

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2023/KDTM-ST**
Ngày: 15 - 6 - 2023
V/v “T/c về HĐMB hàng hóa”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Xuân Sơn
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình và ông Đặng Văn Nga

*** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Lê Đình Vạn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST-KDTM ngày 06 tháng 02 năm 2023 về “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-KDTM ngày 24/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty TNHH TY**

Địa chỉ: Đường số T, Khu công nghiệp S1, phường D, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật là ông Hu Chan A – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Fang Yi W – Chức vụ: Tổng giám đốc và ông Huang Chih C – Chức vụ: Giám đốc kinh doanh.

(Văn bản ủy quyền ngày 18/10/2022)

Người đại diện theo ủy quyền lại là ông Lê Văn Ch, sinh năm: 1989

Nơi thường trú: Số nhà 24C/29, khu phố BA, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH TY, Đường số T, Khu công nghiệp S1, phường D, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

(Văn bản ủy quyền ngày 17/11/2022)

- *Bị đơn*: **Công ty TNHH SP**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp T – TT, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai (trong khuôn viên Công ty CP tổng hợp Giấy TM).

Người đại diện theo pháp luật là ông Kim Yeong G – Chức vụ: Giám đốc

(Công ty TNHH TY do ông Lê Văn Ch là người đại diện theo ủy quyền lại có mặt, Công ty TNHH SP vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn Công ty TNHH TY do ông Lê Văn Ch đại diện theo ủy quyền lại trình bày:

Trong năm 2022, Công ty TNHH TY (từ đây gọi tắt là Công ty TY) và Công ty TNHH SP (từ đây gọi tắt là Công ty SP) có thỏa thuận và giao dịch mua bán keo trong ngành công nghiệp theo Hợp đồng mua bán hàng hoá số: 1002/2022/HĐ/TY-SW được ký kết ngày 01/01/2022 cụ thể như sau:

- Bên A (Công ty TY) bán cho bên B (Công ty SP) keo 705TS theo đơn giá được áp dụng theo từng thời điểm, số lượng theo từng đơn đặt hàng;

- Phương thức giao nhận: tại kho bên B, thời gian giao hàng từ 3 - 5 ngày khi nhận được đơn hàng, phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do bên A chịu;

- Phương thức thanh toán: bằng hình thức chuyển khoản toàn bộ số tiền đã mua hàng trong thời gian 60 ngày kể từ ngày kết sổ của tháng mua hàng.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty TY đã cung cấp cho Công ty SP nhiều đơn hàng và việc mua bán luôn được thực hiện theo thỏa thuận đã cam kết.

Tuy nhiên, đối với một số đơn hàng sau đó, Công ty SP đã thực hiện mua hàng từ Công ty TY, cụ thể như sau:

- Ngày 28/02/2022, Công ty SP có gửi đơn đặt hàng (Purchase Order) với số PO (đặt hàng): TY2022228 yêu cầu Công ty TY cung cấp mã keo (Specification): 705 với số lượng (Q'Ty) là 300kg với đơn giá (U/Price) 120.000 đồng/kg với ngày yêu cầu dự kiến giao hàng (Delivery) là ngày 01/03/2022. Sau khi nhận được đơn đặt hàng từ Công ty SP, Công ty TY đã sắp xếp và xuất hàng cho Công ty SP theo phiếu xuất hàng ngày 02/03/2022 do kế toán kho Lê Thị H xác nhận. Cùng ngày, Công ty TY đã vận chuyển số lượng hàng như đơn đặt hàng đến giao cho Công ty SP có sự xác nhận của nhân viên tên là L. Đồng thời, Công ty TY cũng xuất hoá đơn (hoá đơn điện tử) số

TY/20E0003730 ngày 02/03/2022 với số tiền 39.600.000 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng) cho Công ty SP.

- Ngày 14/03/2022, Công ty SP có gửi đơn đặt hàng (Purchase Order) với số PO (đặt hàng): TY20222314 yêu cầu Công ty TY cung cấp mã keo (Specification): 705TS với số lượng (Q'Ty) là 300kg với đơn giá (U/Price) 105.000 đồng/kg với ngày yêu cầu dự kiến giao hàng (Delivery) là ngày 16/03/2022. Sau khi nhận được đơn đặt hàng, Công ty TY đã sắp xếp và xuất hàng cho Công ty SP theo phiếu xuất hàng ngày 21/03/2022 do kế toán kho Lê Thị H xác nhận. Cùng ngày, Công ty TY đã vận chuyển số lượng hàng như đơn đặt hàng đến giao cho Công ty SP có sự xác nhận của nhân viên tên là L. Đồng thời, Công ty TY cũng xuất hoá đơn (hoá đơn điện tử) số TY/20E0003807 ngày 21/03/2022 với số tiền 34.650.000 đồng (Ba mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) cho bên phía Công ty SP.

- Ngày 02/04/2022, Công ty SP có gửi đơn đặt hàng (Purchase Order) với số PO (đặt hàng): TY202242 yêu cầu Công ty TY cung cấp mã keo (Specification): 705TS với số lượng (Q'Ty) là 300kg với đơn giá (U/Price) 105.000 đồng/kg với ngày yêu cầu dự kiến giao hàng (Delivery) là ngày 04/04/2022. Cùng ngày, Công ty SP tiếp tục đặt thêm đơn hàng bổ sung số PO (đặt hàng): TY202242-Revist yêu cầu bên phía Công ty TY cung cấp mã keo (Specification): 705 với số lượng (Q'Ty) là 150kg với đơn giá (U/Price) 120.000 đồng/kg với ngày yêu cầu dự kiến giao hàng (Delivery) là ngày 04/04/2022. Sau khi nhận được đơn đặt hàng, do hàng tồn kho chưa đủ số lượng mà Công ty SP yêu cầu nên Công ty TY có phản hồi trực tiếp qua điện thoại đề yêu cầu lùi ngày giao hàng. Nhận được sự đồng ý của Công ty SP, Công ty TY đã sắp xếp và xuất hàng cho Công ty SP làm 2 đợt:

+ Đợt 1: theo phiếu xuất hàng ngày 18/04/2022 do kế toán kho Lê Thị H xác nhận. Cùng ngày, Công ty TY đã vận chuyển số lượng hàng theo mã keo 705 với số lượng 150kg đến giao cho Công ty SP có sự xác nhận của nhân viên tên là Nguyễn Ngọc T. Đồng thời, Công ty TY cũng xuất hoá đơn (hoá đơn điện tử) số TY/20E0003927 ngày 18/04/2022 với số tiền 19.800.000 đồng (Mười chín triệu tám trăm ngàn đồng) cho Công ty SP;

+ Đợt 2: theo phiếu xuất hàng ngày 12/05/2022 do kế toán kho Lê Thị H xác nhận. Cùng ngày, Công ty TY đã vận chuyển số lượng hàng theo mã keo 705TS với số lượng 300kg đến giao cho Công ty SP có sự xác nhận của nhân viên tên là Nguyễn Ngọc T. Đồng thời, Công ty TY cũng xuất hoá đơn (hoá đơn điện tử) số C22TTY75 ngày 12/05/2022 với số tiền 17.325.000 đồng (mười bảy triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) và sau đó bổ sung thêm hóa đơn số C22TTY110 ngày 18/05/2022 với số tiền 17.325.000 đồng (mười bảy triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) cho bên phía Công ty SP.

- Tiếp đó, ngày 22/05/2022, Công ty SP có gửi đơn đặt hàng (Purchase Order) yêu cầu Công ty TY cung cấp mã keo (Specification): 705TS với số lượng (Q'Ty) là 300kg với đơn giá (U/Price) 105.000 đồng/kg (đối với đơn đặt hàng này Công ty TY đã làm thất lạc chưa cung cấp được). Sau khi nhận được

đơn đặt hàng từ Công ty SP, Công ty TY đã sắp xếp và xuất hàng cho Công ty SP vào ngày 26/05/2022. Đồng thời, Công ty TY cũng xuất hoá đơn (hoá đơn điện tử) số C22TTY135 ngày 26/05/2022 với số tiền 34.650.000 đồng (Ba mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) cho bên phía Công ty SP.

- Cuối cùng, Công ty SP có gửi đơn đặt hàng (Purchase Order) yêu cầu bên phía Công ty TY cung cấp mã keo (Specification): 705TS với số lượng (Q'Ty) là 500kg với đơn giá (U/Price) 105.000 đồng/kg. Sau khi nhận được đơn đặt hàng từ Công ty SP, Công ty TY đã sắp xếp hàng hoá và xuất hàng cho bên phía Công ty SP vào ngày 21/05/2022 có sự xác nhận của nhân viên tên là Nguyễn Ngọc T. Đồng thời, Công ty TY cũng xuất hoá đơn (hoá đơn điện tử) số C22TTY259 ngày 21/06/2022 với số tiền 57.750.000 đồng (năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) cho bên phía Công ty SP.

Tổng công nợ của các hóa đơn là: 221.100.000 đồng.

Việc giao hàng đã được Công ty TY thực hiện xong nhưng Công ty SP vẫn không thanh toán số tiền 221.100.000 đồng cho Công ty TY. Công ty TY đã nhiều lần yêu cầu Công ty SP thanh toán số tiền trên và nhận được nhiều lời hứa hẹn sẽ trả tiền cho phía Công ty TY. Tuy nhiên cho đến nay, Công ty SP vẫn chưa thanh toán.

Nhận thấy, việc không thanh toán các công nợ của Công ty SP đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty TY. Chính vì vậy: Công ty TY làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai giải quyết:

- Buộc Công ty SP thanh toán cho Công ty TY số tiền mua hàng còn nợ là 221.100.000 đồng;

- Buộc Công ty SP phải trả số tiền lãi theo mức lãi suất chậm thanh toán cho Công ty TY theo quy định của Nhà nước trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính đến thời điểm vụ án được giải quyết xong. Do các bên không thỏa thuận về vấn đề lãi suất chậm trả trong hợp đồng mua bán nên lãi suất chậm trả sẽ được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 bằng 50% mức lãi suất cho vay giới hạn tại thời điểm trả nợ là 20%/năm, tương đương với mức lãi suất chậm trả là 10%/năm. Trên cơ sở này, khoản tiền lãi chậm trả sẽ được xác định bằng 10%/năm (tương đương 0,83 %/tháng) tính trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, thể hiện bằng công thức như sau:

Lãi chậm trả = nợ gốc chưa trả x lãi chậm trả (0,83%/tháng) x thời gian chậm trả. Thời gian chậm trả tạm tính từ ngày 21/8/2022 đến ngày 21/12/2022 là 03 tháng, tương đương với số tiền là: 221.100.000 đồng x 0,83% (10%/năm) x 3 = 5.505.390 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mua hàng và lãi suất chậm thanh toán mà Công ty TNHH SP phải thanh toán cho Công ty TNHH TY là: 221.100.000 đồng + 5.505.390 đồng = 226.605.390 đồng.

Tại phiên tòa, ông Ch tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi do Công ty TNHH SP chậm trả. Chỉ yêu cầu Công ty TNHH SP trả số nợ gốc là 221.100.000 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH SP đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có lời khai.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng:
 - + Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;
 - + Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;
 - + Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;
 - + Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.
 - + Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không hợp tác nên gây khó khăn cho việc tiến hành tố tụng.
- Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TY. Buộc Công ty SP phải có nghĩa vụ thanh toán ngay, một lần cho Công ty TY số tiền 221.100.000 đồng. Đối với số tiền nợ lãi do chậm thanh toán. Tại phiên tòa, ông Ch tự nguyện rút đơn khởi kiện nên đề nghị chấp nhận. Đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn. Về án phí: Công ty TY không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TY số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Công ty SP phải chịu theo quy định. Quyền kháng cáo thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, Công ty TY do ông Lê Văn Ch là người đại diện theo ủy quyền lại có mặt. Công ty SP đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Công ty SP.

[2]. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty TNHH TY Việt Nam khởi kiện về yêu cầu trả tiền mua hàng trong hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH SP, địa chỉ: Cụm Công nghiệp T – TT, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai (trong khuôn viên Công ty CP tổng hợp Giấy TM). Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định Công ty TNHH TY Việt Nam là nguyên đơn, Công ty TNHH SP là bị đơn; quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[3]. Về nội dung: xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TY có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ: Việc Công ty SP có giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 01/01/2022 với Công ty TY về việc mua bán keo 705TS. Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, Công ty SP còn nợ Công ty TY số tiền 221.100.000 đồng là có thật. Được thể hiện tại Hợp đồng mua bán hàng hóa số 1002/2022/HĐ/TY-SW ngày 01/01/2022 và các đơn đặt hàng, phiếu xuất hàng, hóa đơn GTGT do Công ty TY cung cấp. Do đó, buộc Công ty SP phải trả cho Công ty TY số tiền chưa thanh toán là 221.100.000 đồng.

[4]. Đối với yêu cầu trả nợ lãi của số tiền chậm thanh toán là 5.505.390 đồng. Tại phiên tòa, ông Lê Văn Ch rút đơn yêu cầu này. Xét thấy việc ông Lê Văn Ch rút yêu cầu này là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận. Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu này của Công ty TY.

[5]. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, điểm c tiểu mục 1.4, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Công ty TNHH SP phải chịu 11.330.000 (mười một triệu ba trăm ba mươi ngàn) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty TNHH TY không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH TY số tiền 5.665.135 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004899 ngày 03/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50, 306 của Luật Thương Mại năm 2005; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, điểm c tiểu mục 1.4, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH TY về việc yêu cầu Công ty TNHH SP trả số nợ lãi là 5.505.390 đồng;

[2]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH TY đối với Công ty TNHH SP về “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa”. Buộc Công ty TNHH SP phải trả cho Công ty TNHH TY Việt Nam số tiền 221.100.000 (hai trăm hai mươi một triệu một trăm ngàn) đồng.

[3]. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005.

[4]. Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[5]. Về án phí: Công ty TNHH SP phải chịu 11.330.000 (mười một triệu ba trăm ba mươi ngàn) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty TNHH TY không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH TY số tiền 5.665.135 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004899 ngày 03/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[6]. Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH TY được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH SP được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- TAND tỉnh ĐN (01);
- VKSND H.VC (02);
- Chi cục THADS H.VC (01);
- Lưu hồ sơ, VP (04).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký tên, đóng dấu)

Võ Xuân Sơn